

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2022/TLST-DS ngày 15/12/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 12/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 08/5/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh A, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp: Ông Lê Quốc A1, sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ D, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa – Là đại diện theo uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 0427, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2023 của Văn phòng công chứng V. Ông A1 có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Phan Thị Thanh B, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:** Ngày 18/9/2020, ông A có cho bà Phan Thị Thanh B vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng (từ ngày 18/9/2020 đến ngày 18/02/2021), lãi suất tự thỏa thuận. Tuy nhiên hết thời hạn vay, bà B chỉ mới trả cho ông A số tiền 18.800.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 41.200.000 đồng. Ông A đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu bà B phải thanh toán dứt điểm số nợ trên nhưng bà B luôn tìm lý do chây ì, không thực hiện nghĩa vụ. Nay ông A khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền 58.407.880 đồng, trong đó nợ gốc là 41.200.000 đồng, nợ lãi như nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là 17.207.220 đồng.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2023, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn bà Phan Thị Thanh B trình bày:** Bà và ông Nguyễn Minh A là hàng xóm láng giềng. Ngày 18/9/2020 bà có vay của ông A số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng từ 18/9/2020 đến 18/02/2021, tiền lãi thỏa thuận là 100.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Bà đã trả cho ông A 28.000.000 đồng nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 32.000.000 đồng và xin trả dần trong vòng 6 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, tháng thứ 6 trả 7.000.000 đồng.

Việc vay nợ này của bà B là khoản nợ riêng, chồng con của bà không biết và không sử dụng khoản tiền này, vì thế bà đề nghị không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Phan Thị Thanh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

- Về nội dung: Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ cho rằng: Ngày 18/9/2020, bà B có vay của ông A 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Bà B đã trả được 18.800.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ phần yêu cầu tính lãi và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 41.200.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phan Thị Thanh B hiện đang sinh sống tại thôn M, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Phan Thị Thanh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ngày 18/9/2020, bà Phan Thị Thanh B vay của ông Nguyễn Minh A 60.000.000 đồng, thời hạn vay: 05 tháng, lãi suất thoả thuận. Ông A trình bày bà B đã trả cho ông số tiền 18.800.000 đồng và còn nợ lại số tiền 41.200.000 đồng. Ông A đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/9/2020 giữa hai bên nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Bà Phan Thị Thanh B chỉ thừa nhận bà còn nợ lại ông A số tiền gốc là 32.000.000 đồng, vì lý do gia đình khó khăn nên bà B đề nghị được trả dần số tiền này trong vòng 6 tháng và đề nghị Toà án không đưa chồng, con tham gia tố tụng vì lý do đây là khoản vay riêng của bà, chồng con bà không biết và không liên quan đến số tiền nợ này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh A:

- Về số tiền nợ gốc: Hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Minh A và bà Phan Thị Thanh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Bà Phan Thị Thanh B thừa nhận nội dung về số tiền vay 60.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có mâu thuẫn về số tiền mà bà B đã trả cho ông A. Bà B trình bày bà đã trả được 28.000.000 đồng trong khi ông A trình bày bà chỉ mới trả được 18.800.000 đồng. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Xét thấy trong hợp đồng vay tài sản người vay tiền phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền mà họ đã trả trong quá trình thực hiện hợp đồng. Toà án đã tổng đạt Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho bà B để chứng minh bà đã trả cho ông Nguyễn Minh A số tiền 28.000.000 đồng như lời trình bày của bà nhưng hết thời hạn trong thông báo, bà B vẫn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì. Thêm vào đó tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/02/2023, bà B đã thống nhất với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Toà án và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Vì thế không có căn cứ chứng minh việc bà B đã trả cho nguyên đơn số tiền 28.000.000 đồng như lời trình bày của bà. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền $(60.000.000 \text{ đồng} - 18.800.000 \text{ đồng}) = 41.200.000 \text{ đồng}$ tiền gốc là có căn cứ.

- Về số tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên có thoả thuận về lãi trong hợp đồng vay tiền. Trong quá trình khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi theo thoả thuận nhưng tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện rút khoản tiền lãi này và không yêu cầu bị đơn phải trả. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: $41.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.060.000 \text{ đồng}$.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh A.

Bà Phan Thị Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh A số tiền 41.200.000 đồng (*Bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh A đối với yêu cầu trả lãi.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.060.000 đồng (*Hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Minh A 1.460.000đ (*Một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005504 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Ninh Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Huyền